

QUYẾT ĐỊNH

V/v bổ sung kinh phí năm 2023 cho các địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Công văn số 13904/BTC-NSNN ngày 19/12/2023 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 625/TTr-STC ngày 21/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố năm 2023 để thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, với tổng số tiền: **2.206.560.000 đồng** (Hai tỷ, hai trăm lẻ sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Bình Định tại Công văn số 13904/BTC-NSNN ngày 19/12/2023 của Bộ Tài chính

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2.

Giám đốc Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp thực hiện nội dung nêu tại Điều 1 đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước .

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 12 /2023 của UBND tỉnh)

DVT: đồng

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Số bổ sung mục tiêu (phần nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương)	Ghi chú
	Tổng cộng	2.206.560.000	
1	Quy Nhơn	578.520.000	
2	An Nhơn	226.440.000	
3	Tuy Phước	353.400.000	
4	Tây Sơn	58.140.000	
5	Phù Cát	119.880.000	
6	Phù Mỹ	226.380.000	
7	Hoài Ân	31.080.000	
8	Hoài Nhơn	612.720.000	